

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26 /GPMT-UBND

Hà Tiên, ngày 18 tháng 3 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên ngày 18 tháng 02 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tại Tờ trình số 03/TTr-TNMT ngày 17 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên, địa chỉ tại số 65, đường Cách mạng Tháng Tám, khu phố 3, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên tại phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên cơ sở: Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 65, đường Cách mạng Tháng Tám, khu phố 3, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

1.3. Quyết định thành lập số: 2040/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang.

1.4. Mã số thuế: 1700661800.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám bệnh, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi, quy mô: Cơ sở được xây dựng tại số 65, đường Cách mạng Tháng Tám, khu phố 3, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang với diện tích 19.057,1m², cơ sở thuộc phân loại vào 'danh mục dự án đầu tư nhóm III ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường.



- Công suất của cơ sở: Trung bình bố trí khoảng 180 giường bệnh/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 18 tháng 3 năm 2025 đến ngày 17 tháng 3 năm 2035).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. *mlu*

Nơi nhận:

- Trung tâm Y tế thành phố;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND phường Tô Châu;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hải Quốc

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **26** /GPMT-UBND ngày **18** tháng 3 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải: gồm 03 nguồn.
- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh, nhà giặt.
- + Nguồn số 02: Nước thải từ khu vực nhà bếp.
- + Nguồn số 03: Nước thải y tế.
- Thành phần nước thải sinh hoạt chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dinh dưỡng, dầu mỡ, phóng xạ, vi sinh vật,...

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Cống thoát nước chung của khu vực tại đường Nguyễn Chí Thanh, khu phố 3, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Cống thoát nước chung của khu vực tại đường Nguyễn Chí Thanh, khu phố 3, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104⁰30', múi chiều 3⁰): X = 1147194; Y= 0498830.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 120 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả thải liên tục 24 giờ/ngày.đêm, liên tục các ngày trong năm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước thải y tế (QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K=1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 28:2010/BTNMT (cột B, C _{max} , K=1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	6,5-8,5	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	60		
3	COD	mg/L	120		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 28:2010/BT NMT (cột B, C_{max} , $K=1,2$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	120		
5	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/L	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	12		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/L	60		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/L	12		
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	24		
10	Tổng <i>Coliforms</i>	MPN/100mL	5.000		
11	<i>Salmonella</i>	Vi khuẩn/100mL	KPH		
12	<i>Shigella</i>	Vi khuẩn/100mL	KPH		
13	<i>Vibrio cholerae</i>	Vi khuẩn/100mL	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom và thoát nước thải được xây dựng riêng biệt hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh tại các khoa, phòng được thu gom về bể tự hoại để xử lý sơ bộ. Sau đó cùng với các loại nước thải sinh hoạt khác như: nước rửa tay của nhân viên, nước từ nhà tắm,... theo đường ống PVC dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Các nguồn nước thải từ khu khám chữa bệnh, từ phòng mổ, từ nhà ăn, nhà bếp, nhà giặt, từ vệ sinh khoa phòng được dẫn trực tiếp theo đường ống về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải (*riêng nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại*) được thu gom bằng hệ thống ống dẫn PVC Ø114, PVC Ø168, PVC Ø220, PVC Ø312 về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Công nghệ xử lý nước thải tập trung: Nước thải vào => Hồ gom và lọc rác => Bể yếm khí I và chứa bùn (*có máy tách dầu mỡ*), bể yếm khí II => Bể

hiếu khí => Bể khử trùng => Bể chứa nước => Nguồn tiếp nhận (đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế: $120 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, $Q_{\max} = 5,0 \text{ m}^3/\text{giờ}$

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: NaOCl.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Căn cứ quy định Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại Khoản 46 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025) thì cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện lắp đặt, quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Biện pháp phòng ngừa và xử lý các sự cố hệ thống xử lý nước thải được thực hiện theo nội dung đã cam kết trong Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án nhằm bảo đảm không xả nước thải chưa được xử lý ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Căn cứ quy định Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025) thì cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

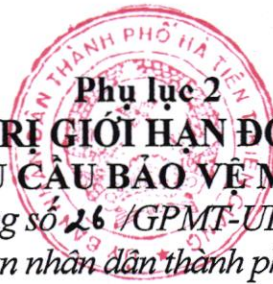
2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho nhân viên của cơ sở; chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra bảo vệ môi trường.

2.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình xử lý nước thải.

2.4. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định./.





Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **26** /GPMT-UBND ngày **18** tháng 3 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn từ phòng chứa các máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn từ máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Tọa độ vị trí (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°30', múi chiều 3°): X = 1147180; Y = 0498842.
- Nguồn số 02: Tọa độ vị trí (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°30', múi chiều 3°): X = 1147033; Y = 0498887.

3. Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị theo hướng dẫn của nhà sản xuất nhằm giảm thiểu tiếng ồn, độ rung. Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su, lắp đặt các bộ phận giảm thanh để giảm thiểu tiếng ồn.
- Duy trì diện tích cây xanh để giảm thiểu tiếng ồn từ bên ngoài vào; yêu cầu các phương tiện vận chuyển vật tư, hàng hóa, xe máy, xe ô tô ra vào tắt máy trong khuôn viên cơ sở.
- Bố trí nhà xe hợp lý đảm bảo cho quá trình lưu thông giảm thiểu tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- 2.2. Thực hiện các biện pháp quản lý trong quá trình hoạt động để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.
- 2.3. Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị, máy móc để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.